

## KẾ HOẠCH

### **Triển khai thực hiện một số nguyên tắc và nhiệm vụ báo cáo tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

Thực hiện Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nguyên tắc và nhiệm vụ báo cáo tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam,

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện một số nguyên tắc và nhiệm vụ báo cáo tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam trên địa bàn tỉnh như sau:

#### **I. NGUYÊN TẮC BÁO CÁO**

1. Thực hiện thu thập số liệu và báo cáo thường niên từ năm 2013 đến hết năm 2015 về tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của tỉnh trên cơ sở Bộ chỉ số về Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam (có Phụ lục kèm theo).

2. Thực hiện lồng ghép việc báo cáo, theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam trên địa bàn tỉnh trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của tỉnh và của các sở, ban ngành, các huyện, thị xã, thành phố.

#### **II. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Hướng dẫn việc lồng ghép công tác báo cáo, theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của tỉnh trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của tỉnh và các sở, ban ngành, địa phương.

- Tổng hợp báo cáo, theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của tỉnh trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm.

- Thực hiện lồng ghép việc báo cáo, theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của tỉnh trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm.

##### **2. Các sở, ban ngành liên quan**

- Căn cứ nhiệm vụ được phân công trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thu thập, tổng hợp thường niên số liệu đối với các chỉ số được phân công; gửi báo cáo tổng hợp và số liệu về Sở Kế hoạch và Đầu tư (đồng gửi cho Cục Thống kê tỉnh để xây dựng Niên giám số liệu).

- Thực hiện lồng ghép việc báo cáo, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ có liên quan trên cơ sở các chỉ số được phân công trong Kế hoạch phát triển hàng năm, 5 năm của ngành phụ trách.

### **3. Cục Thống kê**

Tổ chức thu thập, tổng hợp số liệu và phát hành Niên giám số liệu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của tỉnh trong các năm 2014 và 2015 trên cơ sở Niên giám thống kê của Việt Nam và Bộ chỉ số về Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ của Việt Nam.

### **4. Sở Tài chính**

Cân đối ngân sách hàng năm để thực hiện nhiệm vụ thu thập, tổng hợp số liệu và phát hành Niên giám số liệu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam trên địa bàn tỉnh các năm 2014 và 2015 để thực hiện nhiệm vụ được nêu tại Khoản 3 Mục III của Kế hoạch này theo quy định.

### **5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan tổ chức thu thập, tổng hợp thường niên số liệu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của địa phương; gửi báo cáo tổng hợp và số liệu về Sở Kế hoạch và Đầu tư (đồng gửi cho Cục Thống kê tỉnh để xây dựng Niên giám số liệu).

- Thực hiện lồng ghép việc báo cáo, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện một số nguyên tắc và nhiệm vụ báo cáo tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

#### ***Nơi nhận:***

- TT. TƯ, TT. HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: TH, VX, KT, XD, NC, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Thành Nghiệp**

**PHỤ LỤC****BỘ CHỈ SỐ VỀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỲ CỦA TỈNH SÓC TRĂNG**

Kèm theo Kế hoạch số 06 /KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng

TT	Mục tiêu/Chỉ số	Năm	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng - hợp	Phân tổ	
<b>A</b>	<b>CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỲ</b>				
	<b>Mục tiêu 1: Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói</b>				
1	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia)	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn; dân tộc.	
2	Chỉ số khoảng cách nghèo	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn	
3	Tốc độ tăng GDP trên đầu người làm việc	Năm	Cục Thống kê	Tổng số	
4	Chênh lệch thu nhập bình quân đầu người một tháng của nhóm hộ có thu nhập cao nhất so với nhóm hộ có thu nhập thấp nhất	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn	
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (tính theo cân nặng/tuổi và chiều cao theo tuổi)	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn	
6	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế so với dân số từ 15 tuổi trở lên	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn	
7	Tỷ lệ người lao động là lao động tự làm hoặc lao động gia đình trong tổng số lao động	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn	
	<b>Mục tiêu 2: Phổ cập giáo dục tiểu học</b>				
8	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ so với tổng dân số từ 15 tuổi trở lên	2 năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn	
9	Tỷ lệ nhập học chung cấp tiểu học	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính	
10	Tỷ lệ nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính	
11	Tỷ lệ hoàn thành bậc tiểu học	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính	
12	Số giáo viên bình quân một lớp bậc tiểu học	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính	
13	Số học sinh tiểu học bình quân trên một giáo viên	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính	
14	Số học sinh tiểu học bình quân một lớp học	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính	
	<b>Mục tiêu 3: Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ</b>				
15	Tỷ lệ nữ làm công ăn lương trong khu vực phi nông nghiệp	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn	
16	Tỷ số về tiền lương trung bình một giờ làm việc của nam so với nữ làm công ăn lương trong khu vực phi nông nghiệp	2 năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn	
17	Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp/chủ trang trại	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn	
18	Tỷ lệ nữ Đại biểu Quốc hội	Nhiệm kỳ	Sở Nội vụ	Tổng số	

www.ThuVienPh...  
Tel: +84-8-3930 3279

LawSoft





TT	Mục tiêu/Chỉ số	Năm	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng - hợp	Phân tổ
19	Tỷ lệ nữ Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp	Nhiệm kỳ	Sở Nội vụ	Tổng số; thành thị - nông thôn
20	Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền	Năm	Sở Nội vụ	Tổng số; thành thị - nông thôn; cấp chính quyền
21	Số nữ có chức danh giáo sư, phó giáo sư (học hàm)	Năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng số; thành thị - nông thôn
22	Tỷ lệ học sinh nữ so với học sinh nam các bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng/đại học	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số; thành thị - nông thôn
<b>Mục tiêu 4: Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em</b>				
23	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn
24	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn
25	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính
<b>Mục tiêu 5: Tăng cường sức khỏe bà mẹ</b>				
26	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn
27	Tỷ lệ các ca sinh có sự trợ giúp của cán bộ y tế	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn
28	Số phụ nữ mắc và chết do 5 tai biến sản khoa	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; loại tai biến
29	Tỷ lệ phụ nữ có chồng đang sử dụng các biện pháp tránh thai	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn
30	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai, trong đó trên 3 lần	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn
31	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được tiêm phòng uốn ván trên 2 lần	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn
<b>Mục tiêu 6: Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác</b>				
32	Số phụ nữ trong độ tuổi từ 15-25 có HIV	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn
33	Tỷ lệ nhiễm HIV	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn
34	Tỷ suất hiện nhiễm HIV trên 100.000 dân	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn
35	Tỷ lệ các trường hợp mắc HIV/AIDS được điều trị	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính
36	Số bệnh nhân AIDS hiện còn sống	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính
37	Số người nhiễm HIV mới phát hiện trong năm	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính
38	Số người tử vong do AIDS	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính
39	Tỷ lệ mắc, chết 10 bệnh cao nhất tính trên 100.000 dân	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính

TT	Mục tiêu/Chỉ số	Năm	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng - hợp	Phân tổ
40	Số bệnh nhân sốt rét được phát hiện	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính
41	Số bệnh nhân chết do sốt rét	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính
42	Số bệnh nhân lao được phát hiện, trong đó AFB dương tính (số mới mắc và số tái phát)	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính
43	Số bệnh nhân lao được phát hiện và điều trị trực tiếp theo phương pháp DOTS	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính
<b>Mục tiêu 7: Đảm bảo bền vững về môi trường</b>				
44	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	2 năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn
45	Tỷ lệ hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh	2 năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn
46	Tỷ lệ hộ gia đình/dân đang sinh sống trong nhà tạm	2 năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn
47	Tỷ lệ hộ gia đình thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt chia theo hình thức	2 năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn
48	Diện tích và tỷ lệ che phủ rừng	Năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tổng số
49	Tỷ lệ đất mặt nước nuôi trồng thủy sản được bảo vệ	Năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tổng số
50	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	2 năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tổng số; loại khí; nguồn phát thải
51	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	2 năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tổng số
52	Số loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ	2 năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tổng số; loài; giống động thực vật
53	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	Năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tổng số; thành thị - nông thôn; loại chất thải
54	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	Năm	Sở Xây dựng	Thành thị
55	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch	Năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Nông thôn
56	Tỷ lệ nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định	Năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tổng số; thành thị - nông thôn; loại nước thải
57	Tỷ lệ các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp xử lý chất thải rắn, nước đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	Năm	Sở Xây dựng	Tổng số; loại khu, cụm
58	Tỷ lệ chất thải rắn thu gom, đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	Năm	Sở Xây dựng	Tổng số; thành thị - nông thôn; loại chất thải
<b>Mục tiêu 8: Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển</b>				
59	Tổng số ODA và vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ cam kết cung cấp hàng năm	Năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tổng số; nhà tài trợ
60	Tổng số ODA và vốn vay ưu đãi thực tế giải ngân hàng năm	Năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tổng số; nhà tài trợ

LawSoft  
 Tel: +84-8-3930 3279 \*  
 www.ThaiVienPh

TT	Mục tiêu/Chỉ số	Năm	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng - hợp	Phân tổ
61	Tỷ lệ vốn ODA và vốn vay ưu đãi dành cho các dịch vụ xã hội cơ bản	Năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tổng số; nhà tài trợ
62	Tỷ lệ ODA và vốn vay ưu đãi so với GDP	Năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tổng số
63	Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa	Năm	Cục Thống kê	Tổng số
64	Số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng	Năm	Sở Lao động TBXH	Tổng số; khu vực thị trường
65	Số thuê bao điện thoại bình quân trên 100 dân	Năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Tổng số; thành thị - nông thôn; loại thuê bao
66	Số thuê bao Internet	Năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Tổng số; thành thị - nông thôn; loại thuê bao
<b>B</b>	<b>CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỔ SUNG CỦA VIỆT NAM</b>			
	<b>Mục tiêu 1: Cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng thiết yếu cho người nghèo, cộng đồng nghèo và xã nghèo</b>			
1	Tỷ lệ xã nghèo có đường ô tô đến trung tâm xã	Năm	Sở Giao thông vận tải	Tổng số; nông thôn
2	Tỷ lệ xã nghèo có trạm y tế xã	Năm	Sở Y tế	Tổng số; nông thôn
3	Tỷ lệ xã nghèo có trường trung học cơ sở	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số; nông thôn
4	Tỷ lệ xã nghèo có chợ xã/liên xã	Năm	Sở Công thương	Tổng số; nông thôn
5	Tỷ lệ xã nghèo có điểm bưu điện văn hóa xã	Năm	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Tổng số; nông thôn
6	Tỷ lệ xã nghèo có trạm truyền thanh	Năm	Sở Thông tin và truyền thông	Tổng số; nông thôn
7	Tỷ lệ xã nghèo có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng	Năm	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Tổng số; nông thôn
8	Tỷ lệ xã nghèo có điện	Năm	Sở Công Thương	Tổng số; nông thôn
9	Tỷ lệ xã nghèo được tiếp cận nước sạch	Năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tổng số; nông thôn
	<b>Mục tiêu 2: Tạo việc làm</b>			

TT	Mục tiêu/Chỉ số	Năm	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng - hợp	Phân tổ	
10	Số lao động làm việc trong nền kinh tế quốc dân	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn; ngành kinh tế; giới tính	
11	Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; thành thị - nông thôn; ngành kinh tế; giới tính	
12	Số người và Tỷ lệ lao động trong độ tuổi của khu vực thành thị thiếu việc làm	Năm	Cục Thống kê	Tổng số; ngành kinh tế; giới tính	
13	Số lao động được tạo việc làm	Năm	Sở Lao động TBXH	Tổng số; giới tính	
14	Tỷ lệ hộ nghèo được tiếp cận tín dụng, các khoản vay tạo việc làm	Năm	CN Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sóc Trăng	Tổng số; thành thị - nông thôn	
<b>Mục tiêu 3: Giảm khả năng dễ bị tổn thương, tăng cường hệ thống an sinh xã hội hỗ trợ nhóm dân số nghèo và yếu thế</b>					
15	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Năm	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính; loại BH	
16	Số người được trợ giúp thường xuyên, hỗ trợ đột xuất	Năm	Sở Lao động TBXH	Tổng số; thành thị - nông thôn; nhóm đối tượng	
17	Số hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở trong năm ở khu vực nông thôn	Năm	Sở Xây dựng	Tổng số; thành thị - nông thôn	
18	Số cơ sở bảo trợ xã hội	Năm	Sở Lao động TBXH	Tổng số	
19	Số người thuộc hộ nghèo được hỗ trợ về y tế	Năm	Sở Y tế	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính	
20	Số người thuộc hộ nghèo được hỗ trợ về giáo dục	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính	
21	Tỷ lệ người nghèo nhận được sự hỗ trợ về các dịch vụ sản xuất	Năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính	
22	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, tái hoà nhập và có cơ hội phát triển	Năm	Sở Lao động TBXH	Tổng số; thành thị - nông thôn; giới tính	

www.TienPho.com  
 Tel: +84-8-3930 3279 \*  
 LawSoft





TT	Mục tiêu/Chỉ số	Năm	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng - hợp	Phân tổ	Giới tính
	<b>Mục tiêu 4: Phát triển văn hóa, thông tin, cải thiện đời sống tinh thần của nhân dân</b>				
23	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn về văn hóa	Năm	Sở Văn hóa TTDL	Tổng số; thành thị - nông thôn	
24	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	Năm	Sở Văn hóa TTDL	Tổng số; thành thị - nông thôn	
25	Tỷ lệ các xã, phường và thị trấn có nhà văn hóa	Năm	Sở Văn hóa TTDL	Tổng số; thành thị - nông thôn	
26	Tỷ lệ hộ gia đình xem được Đài Truyền hình Việt Nam	Năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Tổng số; thành thị - nông thôn	
27	Tỷ lệ hộ gia đình nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	Năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Tổng số; thành thị - nông thôn	
28	Thời lượng phát sóng chương trình truyền hình/phát thanh bằng tiếng dân tộc	Năm	Đài Phát thanh Truyền hình Sóc Trăng	Tổng số	
	<b>Mục tiêu 5: Nâng cao mức sống, bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam</b>				
29	Tỷ lệ người dân tộc biết chữ, tiếng của dân tộc mình	Năm	Ban Dân tộc	Tổng số; thành thị - nông thôn	
30	Tỷ lệ hộ người dân tộc được giao quyền sử dụng đất trong mọi loại hình sử dụng đất	Năm	Ban Dân tộc	Tổng số; thành thị - nông thôn	
31	Tỷ lệ cán bộ là người dân tộc trong chính quyền các cấp	Năm	Sở Nội vụ	Tổng số; thành thị - nông thôn	
	<b>Mục tiêu 6: Tăng cường cải cách hành chính và cung cấp kiến thức pháp lý cho người nghèo</b>				
32	Tỷ lệ xã có cán bộ chuyên trách/không chuyên trách phụ trách công tác xóa đói giảm nghèo	Năm	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Tổng số; nông thôn	
33	Tỷ lệ xã có tù sách pháp luật	Năm	Sở Tư pháp	Tổng số; nông thôn	
34	Số lớp tập huấn cho người nghèo về pháp luật và các chính sách	Năm	Sở Tư pháp	Tổng số; thành thị - nông thôn	